

Bản án số: 128/2023/HC-PT

Ngày: 07/3/2023

Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Mai;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 387/2TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HCST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1397/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa:

*** Người khởi kiện:** Bà Dương Thị T sinh năm 1951; Nơi ĐKKHKT: Tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1, tỉnh Q.

Tạm trú: Phòng 803 tòa S7, Chung cư Sunrise, đường H2, phường H, thành phố H1, tỉnh Q (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Đ sinh năm 1996; Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 2, thị trấn H3, huyện M, tỉnh S; Địa chỉ liên hệ: số 26, ngõ 126 phố M1, phường M2, quận N, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị T: Luật sư Nguyễn Thị T1 và Luật sư Vũ Văn L - Công ty Luật TNHH K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt Luật sư L, vắng mặt Luật sư T1).

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Q;

Địa chỉ trụ sở: Số 2, phố B, phường H4, thành phố H1, tỉnh Q;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N1 – Chức vụ Phó Chủ tịch UBND thành phố H1 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L1 – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H1 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H1;

Địa chỉ trụ sở: Phường H, thành phố H1, tỉnh Q;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Vũ T2 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường H (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Đặng Thị Q1 – HKTT: Tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1; địa chỉ: Phòng 803 tòa S7 Chung cư Sunrise, đường H2, phường H, thành phố H1, tỉnh Q (Vắng mặt).

- Bà Đặng Thị V – HKTT: Tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1; địa chỉ: Phòng 402 tòa S7 Chung cư Sunrise, đường H2, phường H, thành phố H1, tỉnh Q (Vắng mặt).

- Ông Đặng Thanh H5 – HKTT: Tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1; địa chỉ: Phòng 102 tòa 17 Chung cư Sunrise, đường H2, phường H, thành phố H1, tỉnh Q (Vắng mặt).

- Ông Đặng Thành D – HKTT: Tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1; địa chỉ: Hẻm 2, tổ 17 khu 4, ấp Chợ, xã T3, thành phố M3, tỉnh T4 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Q1, bà Đặng Thị V, ông Đặng Thanh H5 và ông Đặng Thành D: Ông Nguyễn Quang Đ sinh năm 1996; Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 2, thị trấn H3, huyện M, tỉnh S; Địa chỉ liên hệ: số 26, ngõ 126 phố M1, phường M2, quận N, thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Bà Đặng Thị T5 – HKTT: Tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1; chỗ ở hiện tại: Xóm trọ L2, tổ 4 khu 4, phường H, thành phố H1 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án).

Người kháng cáo: Bà Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày như sau:

Đầu những năm 1990 gia đình bà khai hoang được diện tích hơn 5000m² tại địa chỉ: Tổ 89, khu 8, phường H6, thành phố H1 (nay thuộc tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1). Trước khi khai hoang phần đất này là eo biển. Gia đình bà phải đổ đất lấn biển, san đất và chặt cây phần ven eo biển. Sau khi đất bằng phẳng, gia đình bà đã làm nhà ở và các công trình phục vụ cuộc sống gia đình trên đất và đã trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này ổn định, liên tục, công khai và không có tranh chấp. Vào đầu những năm 2000 vợ chồng bà Dương Thị T và ông Đặng Xuân H7 (đã chết) có tách cho các con Đặng Thị Q1, Đặng Thị V, Đặng Thanh H5, Đặng Thành D mỗi người con một phần đất, có xác nhận của UBND phường H6 vào đơn xin xác nhận nhà ở. Khi được cho đất, các con bà đều xây dựng nhà, ở ổn định, liên tục, không tranh chấp trên phần đất mà vợ chồng tôi đã cho từ đầu những năm 2000 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất năm 2019.

Ngày 27/12/2019, UBND thành phố H1 ban hành Quyết định số 10685/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 6 hộ dân phường H với diện tích 3.778,5m² để GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1. Trong Quyết định này thể hiện UBND thành phố H1 thu hồi của Dương Thị T, Đặng Xuân H7 (đã chết) diện tích 1.670,6m² các thửa 52, 57, 59, 60, 61 tờ bản đồ số 02. Tuy nhiên Quyết định này không đúng, bởi xác định sai chủ sử dụng đất. Trong tổng diện tích đất này, gia đình bà chỉ có thửa 52 có diện tích 894,4m², còn các thửa 57 có diện tích 208,2m²; thửa 59 có diện tích 158,2m²; thửa 60 có diện tích 158,2m²; thửa 61 có diện tích 257m² vợ chồng bà đã tách cho các con từ đầu những năm 2000 lần lượt là: Thửa 57 cho con Đặng Thị V; thửa 59 cho con Đặng Thanh H5; thửa 60 cho con Đặng Thành D; thửa 61 cho con Đặng Thị Q1. Do đó Quyết định thu hồi đất phải xác định con bà là chủ sử dụng đất bị thu hồi để ban hành Quyết định thu hồi đất tên của các con bà chứ không thể gộp vào của bà được.

Cùng ngày 27/12/2019, UBND thành phố H1 ban hành Quyết định số 10688/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Dương Thị T – Đặng Xuân H7 (đã chết) trú tại tổ 12B, khu 4B, phường H thuộc diện GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1.

Bà T không đồng ý với Quyết định này, Quyết định này không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà và các con vì những lý do sau:

Đối với tài sản trên đất: Trong Quyết định này vẫn gộp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất phần tài sản của các con bà vào cho gia đình bà là không đúng pháp luật; Căn nhà 01 tầng của bà không được bồi thường, khu bếp + vệ sinh và

một số công trình khác của bà bồi thường, hỗ trợ theo tỉ lệ 50%, Tài sản trên đất của các con bà Đặng Thị Q1, Đặng Thị V, Đặng Thanh H5, Đặng Thành D bồi thường, hỗ trợ theo tỷ lệ 50% và 30% là không đúng.

Đối với đất: UBND thành phố H1 cho rằng toàn bộ diện tích đất của gia đình bà không được bồi thường, không được hỗ trợ khi thu hồi đất là trái quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ năm 1992 đến năm 2019, gia đình bà cùng các con đã sinh sống và sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp, các thửa đất này mục đích sử dụng đất là để ở, hàng năm đều nộp thuế nhà đất, thuế sử dụng đất đầy đủ. Việc khai hoang, sử dụng đất của gia đình bà có nhiều người làm chứng. Đến khi các con xây dựng gia đình, bà đã tách cho các con ở riêng. Các con bà đều xây dựng nhà và ở ổn định trên đất này đến khi Nhà nước thu hồi đất năm 2019.

Trong quá trình sử dụng đất gần 30 năm nay, kể từ năm 1992 đến khi có quyết định thu hồi đất, gia đình bà không thấy có cơ quan nhà nước nào làm việc, kiểm tra, kết luận gia đình bà sử dụng các thửa đất này là không hợp pháp, lấn chiếm; không có bất kể cơ quan Nhà nước nào yêu cầu phải trả lại các thửa đất này.

Từ căn cứ nêu trên, bà cho rằng các thửa đất nêu trên của gia đình bà đã khai hoang, tôn tạo, quản lý, sử dụng từ năm 1992 tại tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1 đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi.

Bà Dương Thị T khởi kiện yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 10685/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1 về việc thu hồi đất của 6 hộ dân phường H với diện tích 3.778,5m² để GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1 liên quan đến phần đất 1.670,6m² của bà Dương Thị T và các con của bà T.

- Hủy Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Dương Thị T – Đặng Xuân H7 (đã chết) trú tại tổ 12B, khu 4B, phường H thuộc diện GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1.

- Buộc UBND thành phố H1 ban hành Quyết định thu hồi đất mới cho bà T và các con của bà T, xác định đúng chủ sử dụng đất, đúng diện tích đất và tài sản trên đất của từng hộ sử dụng;

- Buộc UBND thành phố H1 lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ mới và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho gia đình bà T và các con bà T, xác định bà T và các con bà T có đủ điều kiện được bồi thường về

đất khi thu hồi đất. Đối với tài sản trên đất thì bà T và các con bà T được bồi thường theo tỉ lệ 100%.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Đặng Thanh H5, Đặng Thị V, Đặng Thị Q1, Đặng Thành D và Đặng Thị T5 có lời khai tương tự nội dung bà Dương Thị T khai và đồng ý với quan điểm khởi kiện của bà Dương Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện hợp pháp của UBND thành phố H1 trình bày:

Về căn cứ pháp lý thực hiện dự án:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường; Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Q; Quyết định số 1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Q; Quyết định số 4234/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Bộ đơn giá bồi thường tài sản đã đầu tư vào đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Q; Quyết định số 3238/QĐ-UB ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Q V/v quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Q thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019; Quyết định số 3948/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định mức trích, mức chi kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất và công tác lập, thẩm định giá đất trên địa bàn tỉnh Q; Quyết định số 6596/QĐ-UB ngày 22/6/2017 của UBND thành phố H1 V/v phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1; Quyết định số 6700/QĐ-UB ngày 15/10/2018 của UBND thành phố H1 V/v phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (tỷ lệ 1/500) cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1; Quyết định số 7618/QĐ-UB ngày 16/11/2018 của UBND thành phố H1 V/v phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh cục bộ tỷ lệ 1/500 công trình: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1; Thông báo thu hồi đất số 648/TB-UBND ngày 31/10/2018 của UBND thành phố H1 thực hiện dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1; Thông báo thu hồi đất số 12/TB-UBND ngày 08/01/2019 của UBND thành phố H1 thực hiện dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1; Thông báo thu hồi đất số 150/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND thành phố H1 thực hiện dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường

18A đến cầu B1, thành phố H1; Quyết định số 1108/QĐ-UB ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt phương án giá đất cụ thể làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1, tỉnh Q.

Về phương án bồi thường:

Gia đình có 05 thửa đất thuộc diện GPMB: 52+61+57+59+60 tờ 2 BĐ GPMB.

- Tổng diện tích đất sử dụng theo Bản đồ GPMB: 2.796,3m².

- Diện tích thu hồi đường 18A năm 1999: 232,3m².

- Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn năm 2018: 1.670,6m².

Trong đó: + DT thuộc thửa 01/106/ĐC - hồ tự nhiên: 1.670,6m².

- Diện tích còn lại: 893,4 m².

Về nguồn gốc đất: Theo bản chứng nhận nhà đất do UBND phường H lập ngày 01/7/2019, cụ thể như sau:

Diện tích thuộc khu đo tỉ lệ 1/1000 và thửa 20+21 tờ 106 địa chính: Đất hộ ông bà Đặng Xuân H7 - Dương Thị T tôn tạo năm 1995 để canh tác hoa màu (theo đơn xác nhận nộp thuế đất hàng năm của bà Dương Thị T được UBND phường H6 xác nhận ngày 07/10/2011 có nội dung xác nhận bà T đã kê khai nộp thuế đất từ năm 1995 đến năm 2006; đến tháng 8/2006 chuyển địa giới hành chính về phường H). Năm 1998 gia đình không kê khai đo vẽ bản đồ địa chính nên ghi tên chủ sử dụng là HTX Tiêu Giao. Nhà tạm bà T xây dựng năm 1998 (sau thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính) để ở. Hiện trạng bản đồ GPMB dự án xây dựng Quốc Lộ 18A tại thửa số 2 tờ bản đồ năm 1999 có thể hiện công trình nhà tạm này (ranh giới thu hồi vĩnh viễn lấy vào toàn bộ công trình).

Năm 2001, sau khi GPMB quốc lộ 18A hộ bà T tiếp tục đổ đất ra khu vực bãi triều do UBND phường quản lý để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm. Năm 2003 ông, bà T - H7 tách đất cho các con (bà Đặng Thị T5 - con ông H7, có đơn xin xác nhận nhà ở được UBND phường H6 xác nhận ngày 20/3/2003; bà T ký hợp đồng mua bán nước máy với Xí nghiệp nước B1 ngày 02/12/2004).

Thửa 52/2/GPMB - Dương Thị T.

Năm 2009, sau khi cho hết nhà ở cho các con, bà T xây dựng thêm 01 nhà cấp 4 ra khu vực đất phía sau để ở (là nhà ở chính của bà T) thời điểm xây dựng đã bị UBND phường H lập biên bản vi phạm hành chính ngày 22/7/2009 về hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng; UBND Thành phố đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 449/QĐ- XPHC ngày 05/10/2009 đối với công trình này.

Thời điểm xây dựng công trình trong ranh giới GPMB:

- + Nhà cấp 4 xây dựng năm 2009 (đã bị lập biên bản xử phạt).
- + Các công trình phụ còn lại xây dựng năm 2001 (không bị lập biên bản vi phạm hành chính).

Cây hoa màu: trồng trước thời điểm thu hồi đất.

Thửa 61/2 Bản đồ GPMB – hộ Đặng Thị Q1

Năm 2003 bà T, ông H7 tách nhà đất cho các con (bà Đặng Thị T5, có đơn xin xác nhận nhà ở được UBND phường H6 xác nhận ngày 20/3/2003) trong đó có bà Đặng Thị Q1 được cho phần diện tích này. Bà Q1 sử dụng để ở từ khi được bố mẹ cho đến nay.

Thời điểm xây dựng công trình trong ranh giới GPMB: xây dựng năm 2001 (không bị lập biên bản xử phạt).

Sổ hộ khẩu tách cùng nhà với bà Dương Thị T ngày 17/7/2015.

Thuế nộp riêng từ năm 2018.

Thửa 57/2 Bản đồ GPMB – hộ Đặng Thị V

Năm 2007, bà T cho con là bà Đặng Thị V phần diện tích đất này, bà V sử dụng để ở từ khi được bố mẹ cho đến nay.

Sổ hộ khẩu tách cùng nhà với bà Dương Thị T ngày 20/7/2017.

Thuế nộp riêng từ năm 2018.

Thửa 59/2 Bản đồ GPMB – hộ Đặng Thanh H5 - Nguyễn Thị Thu T6

Năm 2003 bà T, ông H7 tách nhà đất cho các con (bà Đặng Thị T5, có đơn xin xác nhận nhà ở được UBND phường H6 xác nhận ngày 20/3/2003) trong đó có ông Đặng Thanh H5 được cho phần diện tích này. Ông H5 sử dụng để ở từ khi được bố mẹ cho đến nay.

Thời điểm xây dựng công trình trong ranh giới GPMB:

- + Nhà cấp 4 và các công trình phụ bà T xây dựng năm 2001 (không bị lập biên bản xử phạt).

- + Nhà tôn xây dựng năm 2010 (không bị lập biên bản vi phạm hành chính).

Sổ hộ khẩu tách cùng nhà với bà Dương Thị T ngày 26/3/2012.

Thuế nộp riêng từ năm 2012 – 2018.

Thửa 60/2 Bản đồ GPMB – hộ Đặng Thành D

Năm 2003 bà T, ông H7 tách nhà đất cho các con (bà Đặng Thị T5, có đơn xin xác nhận nhà ở được UBND phường H6 xác nhận ngày 20/3/2003) trong đó có ông Đặng Thành D được cho phần diện tích này. Ông D sử dụng để ở từ khi được bố mẹ cho đến nay.

Thời điểm xây dựng công trình trong ranh giới GPMB: xây dựng năm 2001 (không bị lập biên bản xử phạt).

Sổ hộ khẩu tách cùng nhà với bà Dương Thị T ngày 09/5/2006.

Thuế nộp riêng từ năm 2012 đất phi nông nghiệp.

2. Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019, cụ thể:

Căn cứ sổ hộ khẩu tách từ hộ bà Dương Thị T và biên lai thuế của các hộ sau ngày 01/7/2008. Do đó các thửa 57+59+60+61/2/GPMB không đủ điều kiện tách thửa độc lập nên gộp vào phương án hộ ông (bà) Dương Thị T - Đặng Xuân H7.

a) Phần đất:

- Đất thu hồi đường 18A năm 1999: 231,4m² không bồi thường, không hỗ trợ (Điều 82 Luật Đất đai năm 2013).

- Đất thu hồi năm 2018: 1.670,4m² - hồ tự nhiên do nhà nước quản lý không bồi thường, không hỗ trợ (Điều 82 Luật Đất đai năm 2013).

b) Công trình kiến trúc:

- Công trình xây dựng nằm ngoài Quyết định xử phạt xây dựng năm 2001: Hỗ trợ 50% (theo điểm b khoản 2 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q).

- Công trình xây dựng nằm ngoài Quyết định xử phạt xây dựng năm 2010: Hỗ trợ 30% (theo điểm c khoản 2 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q).

- Công trình xây dựng nằm trong Quyết định xử phạt: không bồi thường, không hỗ trợ (theo điểm b khoản 3 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q).

c) Cây, hoa màu: Bồi thường theo mật độ tiêu chuẩn (theo Điều 90 Luật Đất đai năm 2013).

d) Chính sách hỗ trợ: Bồi thường di chuyển tài sản 5.000.000đ/hộ chính chủ, các chính sách hỗ trợ khác không có.

e) Tái định cư: Gia đình không đủ điều kiện cấp đất tái định cư theo Điều 18 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q

Tổng giá trị bồi thường được phê duyệt là: 212.496.000đ.

Sau khi gia đình chấp hành nhận tiền và bàn giao mặt bằng, UBND Thành phố đã giao đất có thu tiền sử dụng đất cho gia đình 02 ô tại Khu dân cư khu vực Nhà văn hóa khu 7 tại khu Trới 7 phường Hoàn Bô được phê duyệt tại các Quyết định số 4416 và 4417/QĐ-UBND ngày 21/5/2021.

3. Quan điểm của UBND thành phố H1:

3.1 Không có cơ sở giải quyết yêu cầu hủy: Quyết định số 10685/QĐ-UBND và Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1, vì:

Căn cứ phương án đền bù di chuyển GPMB xây dựng công trình Quốc lộ 18A năm 2000. Đất hộ ông bà Đặng Xuân H7 - Dương Thị T tôn tạo năm 1995 để canh tác hoa màu. Nhà tạm bà T xây dựng năm 1998 (sau thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính) để ở. Hiện trạng bản đồ GPMB dự án xây dựng Quốc lộ 18A tại thửa số 2 tờ bản đồ năm 1999 có thể hiện công trình nhà tạm này, ranh giới thu hồi vĩnh viễn lấy vào toàn bộ công trình và phần đất gia đình tôn tạo năm 1995.

Căn cứ bản chứng nhận nhà, đất ngày 04/3/2019 của UBND phường H xác nhận: Diện tích 1.670,6m² thuộc thửa 01 tờ 106 bản đồ địa chính đo năm 1997 (đã được đính chính lại là khu đo tỉ lệ 1/1000) là hồ tự nhiên do nhà nước quản lý. Năm 2001, sau khi GPMB quốc lộ 18A hộ bà T tiếp tục đổ đất ra khu vực bãi triều do UBND phường quản lý để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm.

Căn cứ biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập, được UBND phường H, đại diện tổ dân, khu phố 4B và đại diện hộ dân ký xác nhận thì phần diện tích thu hồi thuộc Quốc lộ 18A năm 2000 là 232,3m².

Căn cứ theo Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định những trường hợp thu hồi đất mà không được bồi thường về đất *“Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật này”*.

Theo Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

“1. Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho những trường hợp sau đây:

a) Người đang sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại các điều 100, 101 và 102 của Luật này;

b) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất từ sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

c) Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người nhận

quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ;

d) Người được sử dụng đất theo kết quả hòa giải thành đối với tranh chấp đất đai; theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hoặc quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành;

đ) Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

e) Người sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

g) Người mua nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất;

h) Người được Nhà nước thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; người mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

i) Người sử dụng đất tách thửa, hợp thửa; nhóm người sử dụng đất hoặc các thành viên hộ gia đình, hai vợ chồng, tổ chức sử dụng đất chia tách, hợp nhất quyền sử dụng đất hiện có;

k) Người sử dụng đất đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận bị mất”.

Như vậy, phần diện tích 1.670,6m² đất thuộc khu đo tỉ lệ 1/1000 tờ 106/ĐC là Hồ tự nhiên do Nhà nước quản lý và 232,3m² đất đã được đền bù GPMB xây dựng công trình Quốc lộ 18A năm 2000 của gia đình ông không thuộc trường hợp đất đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, do vậy phần diện tích đất trên không được bồi thường, không được hỗ trợ.

3.2 Yêu cầu buộc UBND thành phố H1 lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho từng hộ gia đình các con bà T; xác định đất thu hồi vĩnh viễn đủ điều kiện bồi thường và tài sản trên đất được hỗ trợ 100% giá trị nhà, công trình.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 của Quốc hội quy định: “2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Căn cứ mục a, e khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định

căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

a) Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất;

e) Giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại nhà ở gắn với đất ở; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh, giấy tờ nộp tiền điện, nước và các khoản nộp khác có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 82 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2008 mà đất đó chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu theo quy định của Luật Đất đai và quy định tại Nghị định này mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được bắt buộc người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 25 quy định kèm theo Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q về việc hỗ trợ khác đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp:

“2. Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất.

a) Xây dựng trước 15/10/1993 thì được hỗ trợ 80% giá trị nhà, công trình;

b) Xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 thì được hỗ trợ 50% giá trị nhà, công trình;

c) Xây dựng từ 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 thì được hỗ trợ 30% giá trị nhà, công trình;

d) Xây dựng từ 01/7/2014 trở về sau thì không được hỗ trợ.

3. Trường hợp nhà, công trình khác quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này khi xây dựng đã bị cơ quan nhà nước (Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện) lập biên bản vi phạm (trong biên bản có nội dung đình chỉ không được xây dựng hoặc yêu cầu phải tháo dỡ công trình trả lại nguyên trạng ban đầu) thì việc hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Xây dựng trước 01/7/2004 thì được hỗ trợ 30% giá trị nhà, công trình;

b) Xây dựng từ 01/7/2004 trở về sau thì không được hỗ trợ”.

Từ các căn cứ trên, áp dụng đối với trường hợp hộ gia đình bà Dương Thị T cho con đất làm nhà năm 2003 các công trình xây dựng trên đất không đủ điều

kiện được bồi thường. Do đó, việc bà T cho các con đất để làm nhà không đảm bảo quy định của pháp luật, nên không đủ điều kiện tách thửa thành phương án riêng độc lập và không đủ điều kiện được hỗ trợ 100% giá trị nhà, công trình.

Vì các lý do trên, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND phường H có ý kiến về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng tương tự như ý kiến của UBND thành phố H1.

Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng Người khởi kiện vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện; Đại diện hợp pháp của UBND thành phố H1 đều vắng mặt, nên không tiến hành đối thoại được.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị T rút một số yêu cầu khởi kiện và sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Rút yêu cầu Hủy một phần Quyết định số 10685/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1 về việc thu hồi đất của 6 hộ dân phường H với diện tích 3.778,5m² để GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1 liên quan đến phần đất 1.670,6m² của bà Dương Thị T và các con của bà T.

- Rút yêu cầu Hủy Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Dương Thị T – Đặng Xuân H7 (đã chết) trú tại tổ 12B, khu 4B, phường H thuộc diện GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1.

- Rút yêu cầu Buộc UBND thành phố H1 ban hành Quyết định thu hồi đất mới cho bà T và các con của bà T, xác định đúng chủ sử dụng đất, đúng diện tích đất và tài sản trên đất của từng hộ sử dụng;

- Rút yêu cầu Buộc UBND thành phố H1 lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ mới và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho gia đình bà T và các con bà T, xác định bà T và các con bà T có đủ điều kiện được bồi thường về đất khi thu hồi đất. Đối với tài sản trên đất thì bà T và các con bà T được bồi thường theo tỉ lệ 100%.

Sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy một phần Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về phê duyệt phương án bồi thường về diện tích đất đối với gia đình bà Dương Thị T;

- Buộc UBND thành phố H1 lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Dương Thị T theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HCTST ngày 22 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Q đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về các nội dung: Hủy một phần Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1 về phê duyệt phương án bồi thường về diện tích đất đối với gia đình bà Dương Thị T; Buộc UBND thành phố H1 lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Dương Thị T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/7/2022, người khởi kiện là bà Dương Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: Diện tích đất bị Nhà nước thu hồi của bà Dương Thị T đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 để được bồi thường về đất. UBND thành phố H1 không áp dụng quy định này mà xác định đất của gia đình bà T không đủ điều kiện được bồi thường về đất là không đúng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 24/12/2020, bà Dương Thị T gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 10688/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố H1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Dương Thị T - Đặng Xuân H7 (đã chết) trú tại tổ 12B, khu 4B, phường H thuộc

diện GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1 nên vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Q thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 10685/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc thu hồi đất của 6 hộ dân phường H với diện tích 3.778,5m² để GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1 mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với quyết định này, tuy nhiên đây là Quyết định hành chính có liên quan nên vẫn được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong cùng vụ án là phù hợp.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa sơ thẩm, Người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện và sửa đổi yêu cầu khởi kiện; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xét các yêu cầu này; đối với việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện, xét thấy không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu mà chỉ là xác định chính xác, cụ thể yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận là đúng quy định pháp luật.

[3]. Đơn kháng cáo của bà Dương Thị T trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 10685/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 10688/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Dương Thị T - Đặng Xuân H7 (đã chết) trú tại tổ 12B, khu 4B, phường H thuộc diện GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường H2 với đường 18A đến cầu B1, thành phố H1 ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 62, 63, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Q.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1]. Theo bà Dương Thị T trình bày thì thửa đất bị thu hồi gia đình bà khai hoang từ đầu những năm 1990, diện tích hơn 5000m² tại địa chỉ: Tổ 89, khu 8, phường H6, thành phố H1 (nay thuộc tổ 12B, khu 4B, phường H, thành phố H1), trước khi khai hoang phần đất này là eo biển. Gia đình bà đổ đất lấn biển, làm nhà ở và các công trình phục vụ cuộc sống gia đình trên đất và đã trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này ổn định, liên tục, công khai và không có tranh chấp. Vào đầu những năm 2000 vợ chồng bà tách cho các con là Đặng Thị Q1, Đặng Thị V, Đặng Thanh H5, Đặng Thành D mỗi người một phần đất, xây dựng nhà, ở ổn định, liên tục, không tranh chấp cho đến khi Nhà nước thu hồi đất năm 2019.

Theo bản chứng nhận nhà, đất do UBND phường H lập ngày 01/7/2019 thể hiện: Diện tích thuộc khu đo tỉ lệ 1/1000 và thửa 20+21 tờ 106 địa chính: Đất hộ ông, bà Đặng Xuân H7 - Dương Thị T tôn tạo năm 1995 để canh tác hoa màu (theo đơn xác nhận nộp thuế đất hàng năm của bà Dương Thị T được UBND phường H6 xác nhận ngày 07/10/2011 có nội dung xác nhận bà T đã kê khai nộp thuế đất từ năm 1995 đến năm 2006; đến tháng 8/2006 chuyển địa giới hành chính về phường H). Năm 1998 gia đình không kê khai đo vẽ bản đồ địa chính nên ghi tên chủ sử dụng là HTX Tiêu Giao. Nhà tạm bà T xây dựng năm 1998 (sau thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính) để ở. Hiện trạng bản đồ GPMB dự án xây dựng Quốc Lộ 18A tại thửa số 2 tờ bản đồ năm 1999 có thể hiện công trình nhà tạm này (ranh giới thu hồi vĩnh viễn lấy vào toàn bộ công trình). Năm 2001, sau khi GPMB quốc lộ 18A hộ bà T tiếp tục đổ đất ra khu vực bãi triều do UBND phường quản lý để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm, sau đó ông, bà T - H7 tách đất cho các con, tạo thành các thửa 52, 61, 57, 59, 60 tờ bản đồ GPMB số 2, với tổng diện tích đất sử dụng 2.796,3m².

Tại Bản chứng nhận đối tượng đền bù, di chuyển GPMB xây dựng Quốc lộ 18A do UBND phường H6 lập ngày 18/4/2000 có nội dung: nguồn gốc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 2 gia đình bà T tự ý lấn chiếm hành lang bảo vệ đường 18A và làm nhà tạm từ tháng 11/1992 đến năm 1997 có sửa lại và mở rộng nhà; Tại Biên bản giao nhận diện tích thửa đất GPMB Quốc lộ 18A lập ngày 18/3/1999 và Phương án đền bù di chuyển giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Quốc lộ 18A đối với hộ bà Dương Thị T – địa chỉ tổ 89 khu 8 phường H6 năm 2000 thể hiện: Năm 2000, hộ bà T sử dụng diện tích 1036,4m² đất, đã bị thu hồi 1.003,4m² đất để GPMB dự án xây dựng Quốc lộ 18A đoạn từ Km 108+650 đến Km 110+860 H6 – H1, Q. Trong đó, đất ở thu hồi vĩnh viễn: 44,3m²; Đất thu hồi vĩnh viễn: 782,7m²; Đất thu hồi tạm thời: 176,4m²; Phần diện tích còn lại là 33m².

Căn cứ theo bản chứng nhận nhà, đất ngày 04/3/2019 của UBND phường H xác nhận: Diện tích 1.670,6m² thuộc thửa 01 tờ 106 bản đồ địa chính đo năm 1997 là hồ tự nhiên do nhà nước quản lý. Năm 2001, sau khi GPMB quốc lộ

18A hộ bà T tiếp tục đổ đất ra khu vực bãi triều do UBND phường quản lý để xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định thửa đất bị thu hồi tại Quyết định số 10685/QĐ-UBND do gia đình bà T và các con tự ý san lấp trái phép từ sau năm 2001.

[4.2.2]. Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 10688/QĐ-UBND thể hiện:

Về phần đất: Thửa đất gia đình bà T sử dụng bao gồm phần diện tích 1.670,6m² đất thuộc khu đo tỉ lệ 1/1000 tờ 106/ĐC là Hồ tự nhiên do Nhà nước quản lý, gia đình bà T san lấp từ năm 2001 không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và 232,3m² đất đã được đền bù GPMB xây dựng công trình Quốc lộ 18A năm 2000. Toàn bộ diện tích này không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, khi nhà nước thu hồi đất, diện tích đất này không được bồi thường, không được hỗ trợ là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013.

Về công trình kiến trúc:

Công trình xây dựng nằm ngoài Quyết định xử phạt xây dựng năm 2001 được hỗ trợ 50% theo điểm b khoản 2 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q;

Công trình xây dựng nằm ngoài Quyết định xử phạt xây dựng năm 2010 được hỗ trợ 30% theo điểm c khoản 2 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

Công trình xây dựng nằm trong Quyết định xử phạt không được bồi thường, hỗ trợ theo điểm b khoản 3 Điều 25 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q.

Về cây, hoa màu được bồi thường theo mật độ tiêu chuẩn: áp dụng Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.

Về chính sách hỗ trợ được bồi thường di chuyển tài sản 5.000.000đ/hộ chính chủ, các chính sách hỗ trợ khác không có.

Tổng giá trị bồi thường được phê duyệt là: 212.496.000 đồng.

Về chính sách định cư: Gia đình không đủ điều kiện cấp đất tái định cư theo Điều 18 Quyết định 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q. Tuy nhiên sau khi gia đình bà T chấp hành và bàn giao mặt bằng. UBND thành phố đã giao đất có thu tiền sử dụng đất cho gia đình hai ô đất tại khu dân cư Khu vực nhà văn hóa Khu 7 phường Hoàn Bò theo các quyết định số 4416 và 4417/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 là đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà T.

Như đã phân tích ở trên, gia đình bà T sử dụng diện tích 1.670,6m² đất thuộc khu đo tỉ lệ 1/1000 tờ bản đồ 106/ĐC là Hồ tự nhiên do Nhà nước quản lý, gia đình bà T san lấp từ năm 2001 không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và 232,3m² đất đã được đền bù GPMB xây dựng công trình Quốc lộ 18A năm 2000. Toàn bộ diện tích này không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, ông H7 bà T tách cho con đất làm nhà từ năm 2003 các công trình xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường, quá trình xây dựng bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình tài liệu chứng cứ mới, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, xét thấy bà T là người cao tuổi và thuộc trường hợp miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Dương Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HCST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Dương Thị T.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà